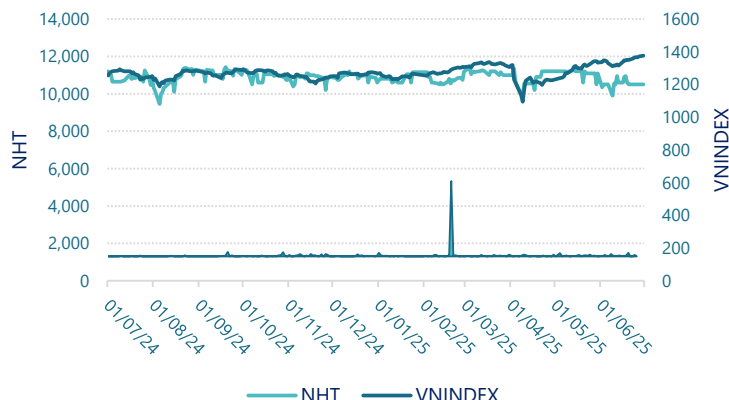




CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (HSX: NHT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,430
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,456
SL cổ phiếu LH	24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)	990
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	252
P/E	12.7
EPS	825

DT thuần

Q2/25

68.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.8 | 43.6%

YoY: ▼ 4.90 | -6.6%

LN sau thuế

Q2/25

-6.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 9.61 | -325%

YoY: ▼ 8.45 | -469%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-7.1%

+/- YoY: ▼ 12.9%

DT thuần

6T 2025

116

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 21.0 | -15.2%

LN sau thuế

6T 2025

-3.69

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.52 | 12.4%

ROE

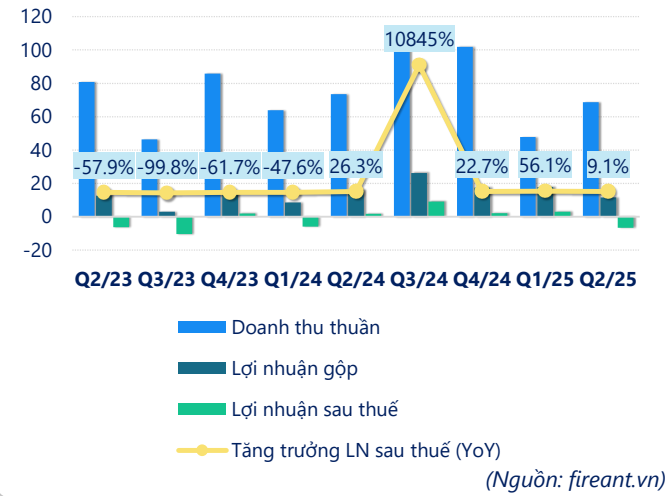
Q2/25

5.4%

+/- YoY: ▲ 5.0%

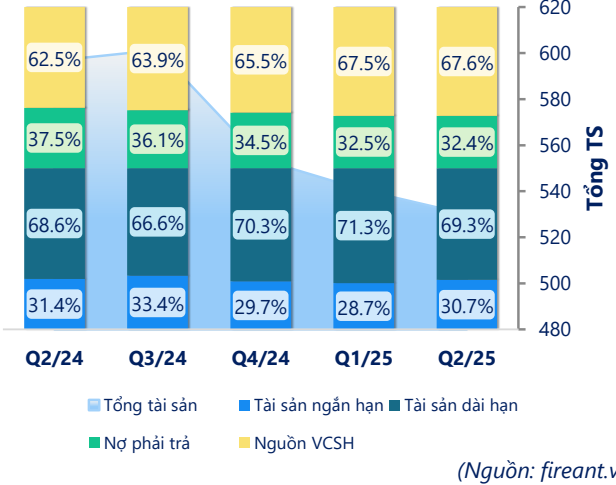
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

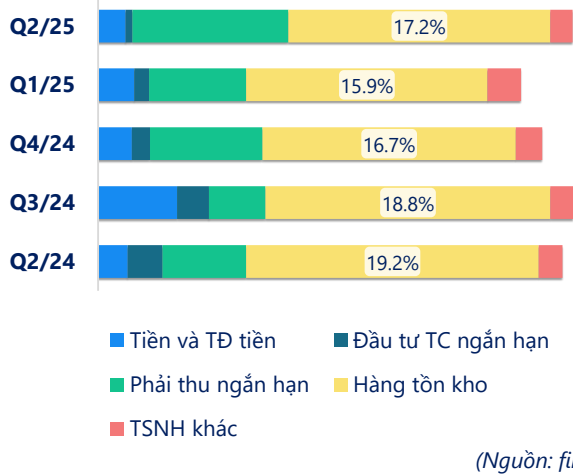


Cơ cấu Tổng tài sản

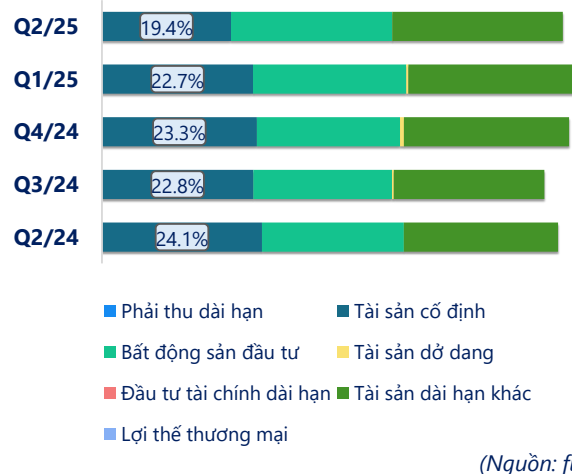
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

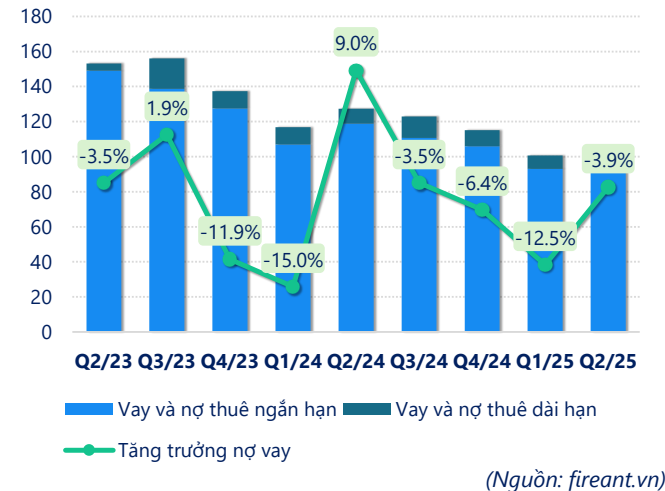


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



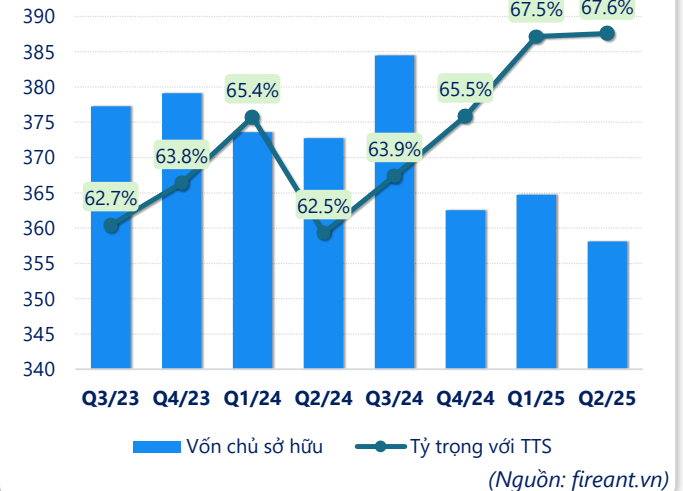
tỷ VNĐ

Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

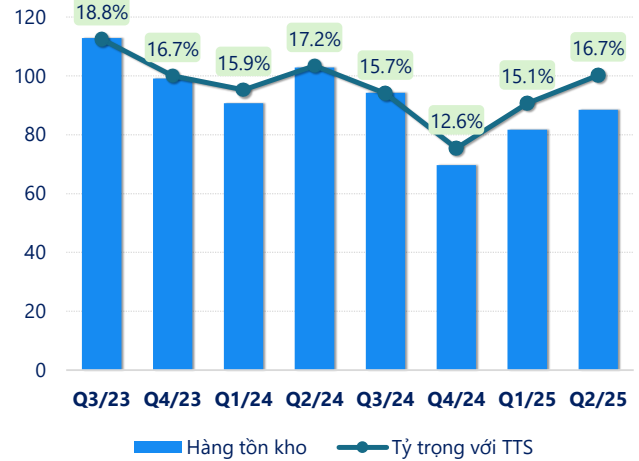


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

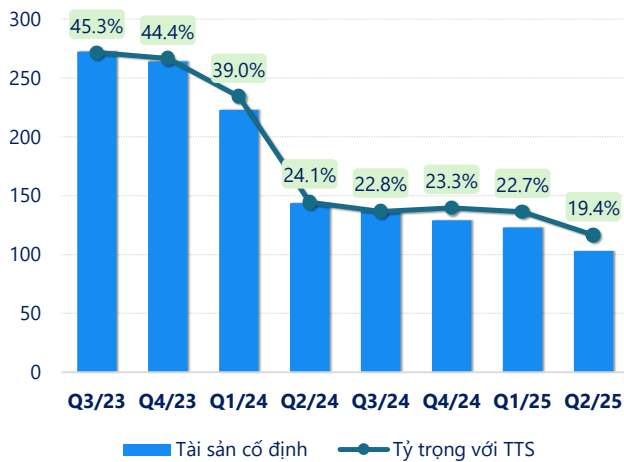

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


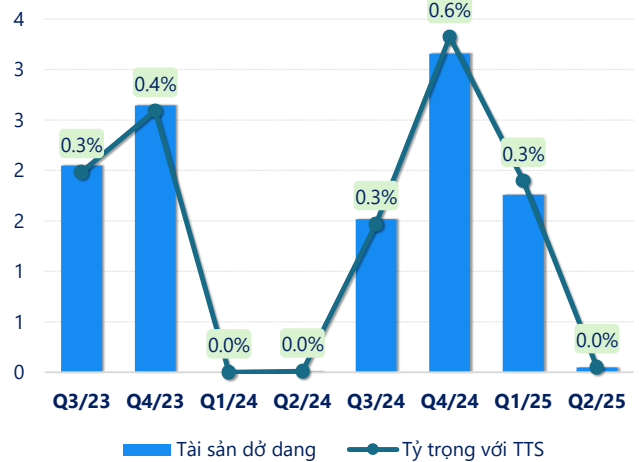
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

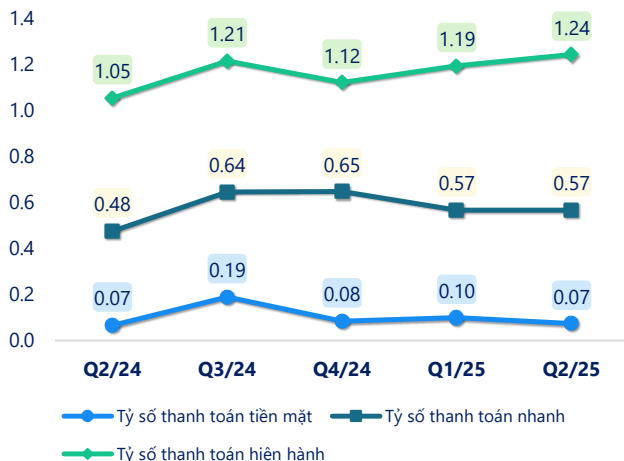
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

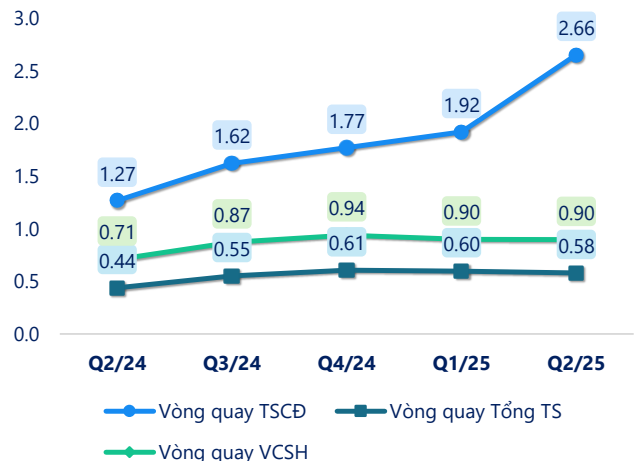
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	597	601	554	540	530
Tài sản ngắn hạn	187	201	165	155	163
Tiền và tương đương tiền	11.7	31.3	12.3	12.9	9.56
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.75	1.71	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	61.3	69.2	75.9	50.3	57.3
Hàng tồn kho	103	94.2	69.6	81.7	88.5
Tài sản ngắn hạn khác	8.74	4.50	6.94	10.4	7.16
Tài sản dài hạn	409	400	389	385	367
Phải thu dài hạn	0.04	0	0	0	0.01
Tài sản cố định	144	137	129	123	103
Bất động sản đầu tư	127	126	119	125	129
Tài sản dở dang	0.01	1.52	3.16	1.76	0.05
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	138	136	138	136	136
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	224	217	191	176	172
Nợ ngắn hạn	178	166	147	130	131
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	111	106	93.0	92.9
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	26.4	19.3	19.4	19.6
Nợ dài hạn	46.2	51.4	44.5	45.6	41.1
Vay và nợ thuê dài hạn	8.55	12.4	9.10	7.66	3.80
Nguồn vốn chủ sở hữu	373	384	363	365	358
Vốn chủ sở hữu	373	384	363	365	358
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)